

**Bản án số: 135/2020/HSST
Ngày: 24-12-2020**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Ngọc Hân

Cán bộ Văn phòng Đảng ủy phường M, thành phố L

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Chủ tịch Hội Liên Phụ nữ thành phố L

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phú Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 124/2020/TLST-HS ngày 18/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2020/QĐXXST-HS ngày 09/12/2020 đối với bị cáo:

Phạm Kiến D, sinh năm 1988 tại thành phố L - tỉnh An Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 4, ấp B, xã K, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông (không rõ họ tên) và bà Phạm Thị H; Bị cáo chưa có vợ, có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang chấp hành án phạt tù trong vụ án khác từ ngày 12/5/2020 và có mặt tại phiên tòa

Bị hại Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ 9, ấp B, xã K, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2011, Phạm Kiến D quen biết và có quan hệ tình cảm với em C, sinh ngày 20/3/1997. Đến đầu tháng 7/2011, D và C từ thành phố L đến thị xã T, tỉnh Bình Dương thuê nhà trọ chung sống như vợ chồng, D đã nhiều lần giao cấu với C tại nhà trọ. Đến khoảng cuối tháng 7/2011, bà Phạm Thị H (mẹ đẻ của D), ông Trần Văn H, ông Huỳnh Thị M (cha mẹ đẻ của C) biết việc này nên đã tổ chức hôn lễ cho D và C vào ngày 23/7/2011. Khoảng thời gian này, D và C chung sống chung nhà với ông H, bà M tại tổ 9, ấp B, xã K, thành phố L và D đã nhiều lần giao cấu với C. Đến đầu năm 2012, C phát hiện có thai và sinh ra bé trai vào ngày 27/9/2012, đặt tên là Trần Hoàng B. Đến cuối năm 2013, D và C chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng.

Kết luận giám định số 4570/C09B ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh xác định: Mẫu cần giám định (Mẫu tóc, tế bào niêm mạc miệng của Trần Hoàng B) và Mẫu so sánh (Mẫu tóc và tế bào niêm mạc miệng và tóc của Phạm Kiến D; Mẫu tóc và tế bào niêm mạc miệng và tóc của Trần Thị Ngọc C). Kết luận về đối tượng giám định: Phạm Kiến D và Trần Thị Ngọc C có quan hệ huyết thống cha, mẹ, con với cháu Trần Hoàng B.

Phiếu xét nghiệm HIV ngày 22/10/2020 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang xác định Phạm Kiến D âm tính.

Cáo trạng số: 122/CT-VKS ngày 16/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, truy tố Phạm Kiến D về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Kiến D từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”;

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín chiếm đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 86/2020/HS-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị Ngọc C không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên đề nghị không xét đến.

Bị cáo Phạm Kiến D khai nhận: Năm 2011, bị cáo quen biết và phát sinh tình cảm với Trần Thị Ngọc C. Tiếp đó, cả hai đến tỉnh Bình Dương thuê nhà trọ chung sống với nhau, bị cáo đã quan hệ tình dục với C nhiều lần. Đầu năm 2012, khi biết được sự việc thì hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau tại nhà của cha, mẹ C cho đến khi C mang thai và sinh con trai tên Trần Hoàng B, sinh ngày 27/9/2012. Đến năm 2013, bị cáo và C cự cãi nên không sống chung với nhau như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, bị cáo không có ý kiến tranh luận, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội vừa qua.

Bị hại Trần Thị Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra, trình bày: Năm 2011, chị C và bị cáo quen biết và nhiều lần quan hệ tình dục với nhau. Năm 2012, gia đình biết sự việc nên có tổ chức lễ cưới cho cả hai và chung sống như vợ chồng cho đến khi sinh được bé trai tên Trần Hoàng B, sinh ngày 27/9/2012 thì hai không sống chung với nhau nữa. Qua sự việc này, chị C không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (BL 96 – 103).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật

Bị cáo thực hiện tội phạm năm 2011, hành vi phạm tội của bị cáo có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm và thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là 15 năm theo quy định điểm c khoản 2 Điều 27 Bộ luật Hình sự năm 2015. Như vậy, tính đến ngày hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện, điều tra, khởi tố là đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, đối chiếu khoản 2 Điều 116 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung 2009 (Bộ luật Hình sự có hiệu lực tại thời điểm bị cáo phạm tội) và khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự

năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tương đồng. Do đó, việc các Cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015 để điều tra, khởi tố và xét xử là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không khiêu nại.

[3] Về thủ tục tố tụng

Bị hại Trần Thị Ngọc C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến về việc vắng mặt của bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy, Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai và làm rõ các tình tiết trong vụ án, bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự nên việc vắng mặt của bị hại không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về trách nhiệm hình sự

Từ tháng 7/2011 đến cuối năm 2013, bị cáo Phạm Kiến D đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với Trần Thị Ngọc C, sinh ngày 20/3/1997 dẫn đến nạn nhân có thai và sinh được bé trai tên Trần Hoàng B, sinh ngày 27/9/2012. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với kết luận giám định số 4570/20/C09B ngày 25/9/2020 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh cùng các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Kiến D từ 03 năm đến 04 năm tù. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội

Trẻ em có vai trò quan trọng đối với gia đình và xã hội, là nơi gửi gắm những ước mơ, niềm tin và sự hãnh diện của cha mẹ. Vì vậy, những quy định bằng pháp luật để bảo vệ trẻ em, nhân dân cũng tự hình thành các quan hệ đạo đức nhằm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Thời gian gần đây, tình hình tội phạm xâm hại tình dục trẻ em xảy ra ngày càng nhiều, diễn biến phức tạp và được toàn xã hội quan tâm. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người thành niên, khoẻ mạnh, nhận thức được hành vi của bản thân. Tuy nhiên, bị cáo đã lợi dụng sự chưa chín chắn trong nhận thức về tình yêu, tình dục, việc quản lý không nghiêm khắc của gia đình nên đã cố ý thực hiện hành vi giao cấu với em C nhiều lần dẫn đến nạn nhân mang thai và sinh con, mặc dù em C tự nguyện, không bị cưỡng ép nhưng vì để thỏa mãn dục vọng bản năng, bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền về nhân thân cũng như quyền trẻ em được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, danh dự, nhân phẩm của bị hại, tạo dư luận xấu tại địa phương. Do đó, cần xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, cần giáo dục vai trò, trách nhiệm của gia đình bị hại là ông Trần Văn H, bà Huỳnh Thị M trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con. Ông H, bà M không quan tâm, chia sẻ, giáo dục giới tính cho em C, biết rõ em C còn đang trong độ tuổi trẻ em nhưng gia đình vẫn tổ chức lễ cưới, tạo điều kiện cho cả hai sống chung với nhau cùng nhà dẫn đến em C mang thai và sinh con, điều này thể hiện sự xem thường pháp luật, tổ chức tảo hôn trong trường hợp lấy vợ, lấy chồng khi một bên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 183 Bộ luật Hình sự năm 2015 là hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, ông H, bà M chưa bị xử phạt hành chính về tội “Tổ chức tảo hôn” nên chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi này. Do đó, đề nghị chính quyền địa phương nhắc nhở, giáo dục pháp luật đối với ông H, bà M để phòng ngừa các trường hợp tương tự.

[6] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Bị cáo không có tiết tình tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, bị cáo có 02 tình tiết nặng định khung là phạm tội 02 lần trở lên, làm nạn nhân có thai theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo

đề nghị truy tố là có căn cứ.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, thuộc trường hợp người phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự

Bị hại không yêu cầu bồi thường về dân sự nên không xét đến.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Kiến D phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi”.

Căn cứ vào: Điểm a, d khoản 2 Điều 145, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 27, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 136, Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt bị hại Trần Thị Ngọc C.

Tuyên xử:

[1] Về hình phạt

Xử phạt: Bị cáo Phạm Kiến D 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín chiếm đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 86/2020/HS-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Hình phạt chung buộc bị cáo Phạm Kiến D phải chấp hành là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2020.

[2] Về án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại
- VKSND TP.L;
- Chi cục T.H.A TP.L;
- Nhà Tạm Giữ CA.TP.L;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam